

Số: /BV-KD
V/v mời báo giá thuốc năm 2024.

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh thuốc.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-SYT ngày 19/01/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (lần 1) của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Để có căn cứ xây dựng dự toán mua thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Đơn vị theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh thuốc có khả năng cung cấp hàng hoá (*chi tiết danh mục, số lượng hàng hoá tại phụ lục đính kèm*), gửi báo giá đến Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang để đơn vị tổ chức xem xét, đánh giá thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Chi tiết mẫu báo giá tham khảo theo phụ lục đính kèm.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử: **khoaduocbvvhctbg@gmail.com**.

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang, số 02 đường Nguyễn Danh Vọng, phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- Số điện thoại liên hệ: Đ/c Trịnh Thị Thịnh – Trưởng Khoa Dược : 0976833328

Thời gian nhận báo giá từ ngày 17/7/2024 đến hết 09 giờ 30 phút ngày 28/7/2024.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Toàn

PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số /BV-KD ngày /7/2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang)

BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại:

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

1. Thuốc generic

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền	Giá kê khai
1.	2	Bupivacain (hydroclorid)		1	0.5% (5mg/ml) - 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				24			
2.	12	Lidocain (hydroclorid)		4	2%/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				20.000			
3.	12	Lidocain (hydroclorid)		1	10%, chai xịt 38g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ				12			
4.	76	Allopurinol		1	100mg	Uống	Viên	Viên				3.000			
5.	80	Glucosamin		2	500mg	Uống	Viên	Viên				40.000			
6.	96	Cetirizin		3	10mg	Uống	Viên	Viên				7.500			
7.	97	Cinnarizin		1	25mg	Uống	Viên	Viên				5.000			

8.	169	Amoxicilin + acid clavulanic		3	500mg + 125mg	Uống	Viên	Viên				10.000			
9.	177	Cefalexin		4	500mg	Uống	Viên	Viên				10.000			
10.	428	Dutasterid		1	0,5mg	Uống	Viên nang	Viên				2.000			
11.	436	Levodopa + benserazid		1	200mg + 50mg	Uống	Viên	Viên				4.000			
12.	488	Diltiazem		2	60mg	Uống	Viên	Viên				5.000			
13.	560	Acetylsalicylic acid + Clopidogrel		4	75mg + 75mg	Uống	Viên	Viên				3.000			
14.	563	Clopidogrel		3	75mg	Uống	Viên	Viên				7.500			
15.	575	Bezafibrat		2	200mg	Uống	Viên	Viên				20.000			
16.	670	Spiroinolacton		1	25mg	Uống	Viên	Viên				3.000			
17.	677	Lansoprazol		2	30mg	Uống	Viên nang	Viên				40.000			
18.	689	Sucralfat		4	1g/15g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói				10.000			
19.	696	Alverin (citrat)		4	40mg	Uống	Viên	Viên				7.500			
20.	755	Methyl prednisolon acetat		4	40mg	Tiêm	hỗn dịch tiêm	Lọ				1.000			
21.	804	Levothyrox		1	100mc	Uống	Viên	Viên							

		in (muối natri)			g							1.500			
22.	856	Natri hyaluronat		1	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Bơm tiêm				100			
23.	872	Betahistin		1	16mg	Uống	Viên	Viên				20.000			
24.	874	Fluticason furoat		1	27,5 mcg/liều xịt, 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Bình				100			
25.	939	Acetyl leucin		4	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				2.500			
1	942	Citicolin		1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				300			
26.	977	N-acetylcystein		4	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói				5.000			
2	983	Kali Clorid		4	500mg	Uống	Viên	Viên				10.000			
3	1028	Vitamin B6		4	100mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				50.000			
27.	1030	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, hydroxycobalamin)		4	1.000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống				110.000			
4	754	Hydrocortisone		4	10mg	Uống	Viên	Viên				8000			
5	816	Botulinum toxin		1	300U	Tiêm	Tiêm	ống				10			
6	816	Botulinum toxin		1	500U	Tiêm	Tiêm	ống				30			

		Cộng										
--	--	-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Dược liệu

STT	STT theo TT 05	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng Dự trữ	Đơn giá	Thành tiền
1.	8	Tân di	2	Hoa	TCCS	Kg				20		
2.	9	Tế tân	2	Rễ	TCCS	Kg				65		
3.	15	Cát căn	2	Rễ	TCCS	Kg				140		
4.	24	Mạn kinh tử	2	Quả	TCCS	Kg				50		
5.	25	Ngưu bàng tử	2	Quả	TCCS	Kg				75		
6.	34	Cốt khí củ	2	Rễ	TCCS	Kg				20		
7.	36	Dây gấm	2	Củ và rễ	TCCS	Kg				20		
8.	39	Hy thiêm	2	Phản trên mặt đất	TCCS	Kg				55		
9.	40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	2	Quả	TCCS	Kg				40		
10.	49	Tang chi	2	Cành	TCCS	Kg				20		
11.	58	Can khương	2	Thân rễ	TCCS	Kg				60		
12.	61	Địa liền	2	Thân rễ	TCCS	Kg				20		
13.	67	Phụ tử	2	Rễ	TCCS	Kg				60		
14.	69	Bạch biển đậu	2	Hạt	TCCS	Kg				40		
15.	71	Hà diệp (Lá sen)	2	Lá	TCCS	Kg				20		

16.	72	Hương nhu	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				75		
17.	74	Bạch hoa xà thiệt thảo	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				20		
18.	87	Đơn lá đỏ (Đơn mặt trời)	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				20		
19.	96	Sài đất	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				50		
20.	98	Trinh nữ hoàng cung	2	Lá	TCCS	Kg				20		
21.	99	Xạ can (Rẻ quạt)	2	Thân rẻ	TCCS	kg				10		
22.	100	Xạ đen	2	Phần trên mặt đất	TCCS	kg				10		
23.	101	Xuyên tâm liên	2	Thân lá	TCCS	Kg				10		
24.	103	Cối xay	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				30		
25.	108	Thạch cao (sống) (dược	2	Bột	TCCS	Kg				10		
26.	109	Tri mẫu	2	Thân rễ	TCCS	Kg				20		
27.	114	Hoàng bá	2	Vỏ thân	TCCS	Kg				65		
28.	116	Hoàng cầm	2	Rễ	TCCS	Kg				30		
29.	119	Khổ sâm	2	Lá, cành	TCCS	Kg				30		
30.	120	Long đởm thảo	2	Rễ	TCCS	Kg				20		
31.	124	Nhân trần	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				50		

32.	130	Bạch mao căn	2	Thân rễ	TCCS	Kg				20		
33.	133	Mẫu đơn bì	2	Vỏ thân	TCCS	Kg				200		
34.	134	Sâm đại hành	2	Thân hành	TCCS	Kg				20		
35.	138	Bạch giới tử	2	Hạt	TCCS	Kg				10		
36.	152	Bách hợp	2	Vảy thân hành	TCCS	Kg				10		
37.	160	Khoản đông hoa	2	Hoa	TCCS	Kg				40		
38.	162	Tang bạch bì	2	Vỏ thân	TCCS	Kg				75		
39.	164	Tô tử	2	Quả	TCCS	Kg				20		
40.	171	Câu đằng	2	Cành	TCCS	Kg				140		
41.	176	Thiên ma	2	Thân rễ	TCCS	Kg				75		
42.	181	Lạc tiên	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				200		
43.	183	Linh chi	2	Nấm	TCCS	Kg				20		
44.	186	Thạch quyết minh	2	Vỏ	TCCS	kg				10		
45.	186	Thảo quyết minh	2	Hạt								
46.	189	Viễn chí	2	Rễ	TCCS	Kg				180		
47.	190	Vông nem	2	Lá	TCCS	Kg				50		
48.	193	Thạch xương bồ	2	Thân rễ	TCCS	Kg				85		
49.	194	Chi thực	2	Quả	TCCS	Kg				30		

50.	195	Chi xác	2	Quả	TCCS	Kg				75		
51.	197	Hậu phác nam	2	Vỏ thân	TCCS	Kg				50		
52.	198	Hương phụ	2	Thân rễ	TCCS	Kg				75		
53.	203	Ô dước	2	Rễ	TCCS	Kg				50		
54.	205	Sa nhân	2	Quả	TCCS	Kg				40		
55.	220	Nga truật	2	Thân rễ	TCCS	Kg				20		
56.	219	Một dước	2	Nhựa	TCCS	Kg				20		
57.	224	Tạo giác thích	2	Gai	TCCS	kg				30		
58.	225	Tô mộc	2	Thân	TCCS	Kg				50		
59.	232	Ngải cứu (Ngải diệp)	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				60		
60.	235	Trắc bách diệp	2	Lá	TCCS	Kg				30		
61.	238	Cỏ ngọt	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				10		
62.	245	Kim tiền thảo	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				30		
63.	247	Mộc thông	2	Thân gỗ	TCCS	Kg				20		
64.	254	Trạch tả	2	Thân rễ	TCCS	Kg				200		
65.	255	Trư linh	2	Thân	TCCS	Kg				20		
66.	262	Đại hoàng	2	Thân rễ	TCCS	Kg				10		
67.	269	Chè dây	2	Lá	TCCS	Kg				20		
68.	270	Dạ cẩm	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				30		
69.	271	Hoắc hương	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				50		

70.	272	Kê nội kim	2	Màng mè gà	TCCS	Kg				20		
71.	273	Lá khô	2	Lá	TCCS	Kg				50		
72.	274	Lục thần khúc	2	Bột	TCCS	Kg				30		
73.	275	Mạch nha	2	Quả	TCCS	Kg				30		
74.	278	Son tra	2	Quả	TCCS	Kg				50		
75.	285	Mẫu lệ	2	Vỏ	TCCS	Kg				30		
76.	296	Đương quy (Toàn quy)	2	Rễ	TCCS	Kg				1.000		
77.	302	A giao	2	Keo da lừa	TCCS	kg				100		
78.	305	Mạch môn	2	Rễ	TCCS	Kg				250		
79.	310	Thạch học	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				10		
80.	323	Nhục thung dung	2	Phần trên mặt đất	TCCS	Kg				85		
81.	326	Thỏ ty tử	2	hạt	TCCS	kg				70		
82.	328	Bạch truật	2	Thân rễ	TCCS	Kg				1.000		
83.	331	Đảng sâm	2	Rễ	TCCS	Kg				800		
84.	332	Đinh lăng	2	Rễ	TCCS	Kg				30		
85.	335	Nhân sâm	2	Rễ	TCCS	Kg				10		
86.	346	Binh lang	2	Hạt	TCCS	Kg				50		

Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, nghiệm thu tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Báo giá này có hiệu lực tối đa 90 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày tháng năm 2024
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)